

Chơn Thành, ngày 20 tháng 5 năm 2020

Số: **99/2020/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự::

1. Chị Trịnh Thị H, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Ch, xã Q, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Trịnh Quý T, sinh năm: 1973; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Ch, xã Q, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và Anh Trịnh Quý T tự nguyện chung sống với với nhau từ 1997, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Thời gian có thời gian sống chung phát sinh mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống nên cuộc hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị được công nhận sự thuận tình ly hôn của

Xét thấy, chị H và anh T đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp

dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Trịnh Thị H và Anh Trịnh Quý T.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Duy Anh, sinh ngày 28/8/1998 và Trịnh Quý Tiến sinh ngày 18/10/2013. Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Trịnh Thị H và Anh Trịnh Quý T xác định không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) thống nhất để chị H tự nguyện chịu toàn bộ

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và Anh Trịnh Quý T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng 02 con chung tên Trịnh Duy A, sinh ngày 28/8/1998 và Trịnh Quý T sinh ngày 18/10/2013.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004156 ngày 24/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BP;
- Chi cục THADS Chơn Thành;
- VKS huyện Chơn Thành;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Thị Thu Hà